TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4021/2023/DS-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v TrA chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị ThA Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 915/2023/TLST-DS ngày 09/6/2023 về việc "TrA chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5139/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5743/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1976
Hộ khẩu thường trú: số 429/7C khu phố Đông Tác, phường Y, thành phố X, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: số 132 đường Nguyễn Thái Học, khu phố Y, phường Y, thành phố C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị ThA D, sinh năm 1983
Hộ khẩu thường trú: số 1551/1 Nguyễn Duy Trinh, khu phố Phước Lai, phường Y, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1973
Địa chỉ: số 41 Hoàng D 2, khu phố 2, phường Linh Trung, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Huỳnh Lệ A, sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: số 429/7C khu phố Đông Tác, phường T Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: số 132 đường Nguyễn Thái Học, khu phố Đông Tác, phường T Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

(Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Lệ A có mặt, bà Nguyễn Thị Phương L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị ThA D phải trả cho ông Nguyễn Quốc T số tiền còn thiếu (nợ gốc) là 640.000.000 (Sáu trăm bốn mươi triệu) đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị ThA D phải trả số tiền nợ lãi còn thiếu cụ thể như sau:

- Khoản phải trả tính từ ngày 30/06/2021 của khoản nợ gốc còn lại 240.000.000 đồng là: 240.000.000 đồng x 22 tháng x 0,83% = 43.824.000 đồng

- Khoản phải trả tính từ ngày 01/11/2021 của khoản nợ gốc còn lại là 400.000.000 đồng là: 400.000.000 đồng x 16 tháng x 0,83% = 53.120.000 đồng

- Tổng cộng cả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện mà bà Nguyễn Thị ThA D phải trả cho ông Nguyễn Quốc T là 736.944.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định lại số tiền nợ gốc bà D còn nợ ông T 480.000.000 đồng. Ông T yêu cầu rút một phần yêu cầu tiền nợ gốc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng, yêu cầu rút một phần yêu cầu tiền lãi về việc buộc bà Nguyễn Thị ThA D phải thA toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 96.944.000 (Chín mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng.

[1] Nội dung vụ kiện: Ngày 16/12/2019 ông Nguyễn Quốc T cho bà Nguyễn Thị ThA D vay số tiền là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng, thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng (không lập hợp đồng). Sau khi ông T và bà D thỏa thuận vay tiền xong, bà D cùng ông T, bà A qua nhà bà Nguyễn Thị Phương L (chị ruột của ông T) để lấy tiền, do ông T bị khiếm thị từ nhỏ nên ông T giao tiền cho bà L giữ dùm. Bà L đã giao đủ tiền cho bà D 01 lần 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Sau khi vay tiền, bà D đã trả cho ông T 10.000.000 đồng tiền lãi (không có giấy tờ). Đến hạn trả nợ như thỏa thuận, ông T đã nhiều lần liên hệ bà D yêu cầu trả tiền nợ vay nhưng bà D không hợp tác.

Ngày 29/11/2020 ông T, bà A, bà L cùng đến công ty của bà D làm việc và yêu cầu bà D trả số tiền trên, nên bà D viết Giấy mượn tiền ngày 29/11/2020, nội dung "Tôi xác nhận tôi có mượn của A Nguyễn Quốc T, sinh ngày 19/12/1976; địa chỉ số 429/7C khu phố Đông Tác, p. Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương, với số tiền là 800.000.000 (Tám trăm triệu đồng) từ ngày 16/12/2019; Thời gian trả là ngày 01/02/2021 trả cho ông T là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), ngày 30/06/2021 trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), ngày 01/11/2021 thA toán hết số tiền còn lại cho ông T 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)…". Sau đó,

bà D đã trả cho ông T nhiều lần, tổng số tiền nợ gốc bà D đã trả cho ông T 320.000.000 đồng, bà D còn nợ ông T tiền nợ gốc 480.000.000 đồng. Nguồn tiền ông T cho bà D vay là của chung vợ chồng ông T. Ngoài ra ông T không trình bày gì thêm, không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Nay ông Nguyễn Quốc T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị ThA D phải trả cho ông Nguyễn Quốc T số tiền nợ gốc 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng, thA toán ngay 1 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị ThA D trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn không đến, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

[3] *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Lệ A trình bày*: Bà A có quan hệ là vợ của ông Nguyễn Quốc T. Nguồn tiền ông T cho bà D vay là của chung vợ chồng bà A. Bà A xác nhận lời trình bày của ông T trên là đúng. Nay bà A có cùng ý kiến với ông T, cùng yêu cầu với ông T như ông T trình bày trên. Ngoài ra, bà A không trình bày gì thêm, không có yêu cầu độc lập.

[4] *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương L trình bày*: Bà L có quan hệ là chị ruột của ông Nguyễn Quốc T. Giữa bà L với bà D có quan hệ bạn bè với nhau. Do ông T bị khiếm thị từ nhỏ nên ông T gửi tiền cho bà L giữ hộ cho ông T. Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông T với bà D là ông T trực tiếp thỏa thuận với bà D cho bà D vay số tiền 800.000.000 đồng (giữa ông T với bà D thỏa thuận như thế nào bà L không biết). Ngày 16/12/2019 ông T gọi điện thoại cho bà L nói vợ chồng ông T, bà A cùng bà D sẽ qua nhà bà L lấy số tiền 800.000.000 đồng cho bà D vay. Sau đó, bà L đã giao đủ số tiền 800.000.000 đồng cho ông T, ông T trực tiếp giao tiền cho bà D tại nhà bà L, khi giao tiền cho bà D, ông T không lập giấy vay tiền. Sau đó, bà L được biết bà D không trả tiền cho ông T như thỏa thuận nên ngày 29/11/2020, nên bà L cùng với ông T, bà A đến Công ty bà D làm việc và yêu cầu bà D viết Giấy mượn tiền ngày 29/11/2020 như ông T trình bày trên. Sau khi bà D viết Giấy mượn tiền ngày 29/11/2020 cho ông T, thì ông T có nói cho bà L biết bà D đã trả cho ông T tổng số tiền nợ gốc là 320.000.000 đồng, bà D còn nợ ông T tiền nợ gốc 480.000.000 đồng. Việc khởi kiện của ông T, bà L có cùng ý kiến với ông T. Ngoài ra, bà L không trình bày gì thêm, không có yêu cầu độc lập.

[5] *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn

Thị Phương L có mặt; bà Huỳnh Lệ A có mặt. Do đó, đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tiền nợ gốc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng và đình chỉ xét xử yêu cầu tiền lãi 96.944.000 (Chín mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: TrA chấp giữa ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị ThA D phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Nguyễn Thị ThA D vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là bà Nguyễn Thị ThA D thA toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản mà không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả số tiền trên cùng với bị đơn. Vấn đề này, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm thA toán tiền vay còn nợ của người nào khác.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và bản tự khai do nguyên đơn cung cấp. Xét, về hình thức của hợp đồng: Việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn được lập thành văn bản theo Giấy mượn tiền ngày 29/11/2020 là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

Xét, về nội dung của hợp đồng, căn cứ Giấy mượn tiền ngày 29/11/2020, có cơ sở xác định ngày 16/12/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 800.000.000 đồng, nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn và bị đơn đã nhận đủ tiền. Hết thời hạn như thỏa thuận bị đơn không thA toán tiền cho nguyên đơn, nên nguyên đơn và bị đơn đã viết Giấy mượn tiền ngày 29/11/2020, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi lập hợp đồng thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 320.000.000 đồng, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thA toán tiền nợ gốc còn lại 480.000.000 đồng, nhưng bị đơn không thA toán là bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên

đơn tiền nợ gốc trên, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thA toán số tiền nợ gốc 480.000.000 đồng là có cơ sở, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về cách trả: Bị đơn vi phạm hợp đồng đã lâu nên phần nào gây thiệt hại và trở ngại cho hoạt động bình thường của nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thA toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Đối với ý kiến của bị đơn: Do bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến trA chấp yêu cầu giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện để giải quyết theo quy định.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ gốc và tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu tiền nợ gốc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng đối với bị đơn và yêu cầu rút yêu cầu tiền lãi về việc buộc bị đơn phải thA toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 96.944.000 (Chín mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu tiền nợ gốc và yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn đối với bị đơn theo Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 6; Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 95; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T về việc: "TrA chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Nguyễn Thị ThA D.

Buộc bà Nguyễn Thị ThA D trả cho ông Nguyễn Quốc T số tiền 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng, thA toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T đối với bà Nguyễn Thị ThA D về việc yêu cầu tiền nợ gốc 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T đối với bà Nguyễn Thị ThA D về việc yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 96.944.000 (Chín mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 23.200.000 (Hai mươi ba triệu hai trăm ngàn) đồng buộc bà Nguyễn Thị ThA D chịu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đ;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS TP.Đ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Loan